| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ CAO LÃNH**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập-Tự do –Hạnh phúc** |

Số: 03/2018/QĐST-VDS.
Ngày 02/02/2018.
V/v: "Xác định quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản để thi hành án".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH**

**Với thành phần giải quyết việc dân sự:**

Chủ tọa phiên họp: Ông Đinh Tấn Hiếu - Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Ông Lê Chí Tâm - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Mộng Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, mở phiên họp giải quyết việc dân sự thụ lý số 14/2017/TLST-VDS, ngày 01/11/2017, về việc "Xác định quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản để thi hành án" theo quyết định mở phiên họp số 01/2018/QĐST-VDS, ngày 02/01/2018, giữa các đương sự:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Nguỵ Ngọc Y, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Tổ A, khóm B, phường C, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

2/ Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1949.

Địa chỉ: Ấp X, xã M, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

3/ Trần Văn Ư, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp.

4/ Trần Văn N, sinh năm 1969.

Người đại diện hợp pháp của ông N: Trần Thị T, sinh năm 1967, là đại diện theo ủy quyền.

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp.

5/ Trần Văn H, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Ấp X, xã M, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của ông H: Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1949, địa chỉ: Ấp X, xã M, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp, là đại diện theo ủy quyền.

6/ Nguyễn Văn Phúc, sinh năm 1940.

Địa chỉ: Tổ D, khóm Đ, phường H, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

7/ Bùi Văn C, sinh năm 1956 (Đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Văn C: Bùi Thị É, sinh năm 1957; Bùi Văn L, sinh năm 1976; Bùi Văn T, sinh năm 1979; Bùi văn D,

sinh năm 1982, Bùi Thị Ngọc P, sinh năm 1990, cùng địa chỉ: Tổ E, khóm F, phường 11, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp; Bùi Thị Ngọc K, sinh năm 1984, địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện cao Lãnh, Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Đinh Văn X, sinh năm 1945.

2/ Lê Thị N, sinh năm 1950.

3/ Đinh Hoàng H, sinh năm 1985.

4/ Trần Thị Kiều T, sinh năm 1983.

5/ Đinh Minh T, sinh năm 2011.

Người đại diện hợp pháp của Đinh Minh T: Anh Đinh Hoàng H, sinh năm 1985, là đại diện theo pháp luật.

Cùng địa chỉ: Tổ P, khóm F, phường H, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

6/ Đinh Hoàng S, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Tổ P, khóm F, phường H, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

7/ Đinh Hoàng H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp.

Bà Ngụy Ngọc Y, bà Nguyễn Thị Kim P, ông Trần Văn Ư, bà Trần Thị T, ông Nguyễn Văn P, bà Bùi Thị É, chị Bùi Thị Ngọc K, chị Bùi Thị Ngọc P đều có mặt. Ông Đinh Văn X, bà Lê Thị N, anh Đinh Hoàng H sinh năm 1978, anh Đinh Hoàng H sinh năm 1985, anh Đinh Hoàng S và chị Trần Thị Kiều T, anh Bùi Văn L, anh Bùi Văn T, anh Bùi văn D đều vắng mặt. Anh L, anh T, anh D xin vắng mặt.

**- Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết:**

Theo đơn yêu cầu và tại phiên họp bà Ngụy Ngọc Y, bà Nguyễn Thị Kim Ph, ông Trần Văn Ư, ông Trần Văn N (Bà T đại diện), ông Trần Văn H (bà P đại diện), ông Nguyễn Văn P, bà Bùi Thị É, chị Bùi Thị Ngọc K, chị Bùi Thị Ngọc P trình bày:

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 158/HSST ngày 12/11/1996 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp và bản án hình sự phúc thẩm số 648/HSPT ngày 28/4/1997 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh thì ông X và bà N cùng liên đới bồi thường số tiền như sau:

Bà Ngụy Ngọc Y: 12.500.000 đồng;

Bà Nguyễn Thị Kim P: 9.000.000 đồng;

Ông Trần Văn Ư: 4.000.000 đồng;

Ông Trần Văn N: 4.068.000 đồng;

Ông Nguyễn Văn P: 35.000.000 đồng;

Ông Trần H: 13.000.000 đồng;

Ông Bùi Văn C: 5.440.000 đồng.

Hộ gia đình ông Đinh Văn X và bà Lê Thị N có tài sản gồm: Diện tích đất 611,7m$^2$ thuộc thửa số 64, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại phường H, thành phố Cao Lãnh, do Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Cao Lãnh cấp quyền sử dụng đất cho hộ bà Lê Thị N. Trên diện tích đất đất này có 02 căn nhà cấp 4 (chưa cấp quyền

sở hữu nhà), trong đó có 01 căn nhà do ông X và bà N đang quản lý sử dụng và 01 căn nhà do ông Đinh Hoàng S đang quản lý sử dụng.

Theo đơn yêu cầu baø Y, baø P, oâng Ö, oâng N, oâng H, oâng C vaø oâng P yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu tài sản của ông Xi, bà N gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 611,7m$^2$ thuộc thửa số 64, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại phường H, thành phố Cao Lãnh và 02 căn nhà cấp 4 trên đất để thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ thì diện tích đất thực tế hộ bà Nga sử dụng là 439,1 m$^2$, thuộc thửa số 64, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại phường H, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

Tại phiên họp baø Y, baø P, oâng Ö, oâng N, oâng H (bà P đại diện), oâng P và những người đồng thừa kế của ông C, yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu tài sản của bà N, ông X gồm: Diện tích đất 439,1 m$^2$, thuộc thửa số 64, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại phường H, thành phố Cao Lãnh và một căn nhà trên đất do ông X, bà N đang quản lý sử dụng để thi hành án, không yêu cầu xác định căn nhà anh S đang quản lý sử dụng.

**NHẬN ĐỊNH**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh nhận định

**[1] Về tố tụng:** Theo đơn yêu cầu bà Y, bà P, ông Ư, ông N, ông H, ông P và ông C, yêu cầu Tòa án xác định quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản của bà N, ông X để thi hành án. Căn cứ vào khoản 9, Điều 27 Bộ luật tố tụng dân sự, yêu cầu của các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2, nhưng Ông Đinh Văn X, bà Lê Thị N, anh Đinh Hoàng H sinh năm 1978, anh Đinh Hoàng H sinh năm 1985, anh Đinh Hoàng S và chị Trần Thị Kiều T vắng mặt, căn cứ vào các điều 361, 367 và khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành mở phiên họp.

**[2] Xét yêu cầu của người yêu cầu:**

**- Đối với diện tích đất:**

Trong quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chổ thì diện tích đất thực tế hộ bà N đang sử dụng là 439,1 m$^2$, tọa lạc phường H, thành phố Cao Lãnh.

Theo công văn số 1039/UBND-TN, ngày 07/8/2014 của UBND thành phố Cao Lãnh, xác định diện tích đất 439,1 m$^2$ theo sơ đồ xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 07/5/2014 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Cao Lãnh thuộc thửa số 64, tờ bản đồ số 10, tọa lạc phường H, thành phố Cao Lãnh, đã được UBND thành phố Cao Lãnh cấp quyền sử dụng cho hộ bà Lê Thị N vào năm 2004.

Theo đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất, ngày 17/10/2001 do bà N và ông X đăng ký cấp quyền sử dụng, thể hiện nguồn gốc đất chuyển nhượng từ bà Lý vào năm 1975.

Như vậy theo các căn cứ nêu trên diện tích đất 439,1 $m^2$ thuộc thửa số 64, tờ bản đồ số 10, tọa lạc phường 11, thành phố Cao Lãnh là tài sản của bà N và ông X nhận chuyển nhượng từ bà L vào năm 1975.

Trong quá trình thu thập chứng cứ, bà N và ông X và những người trong hộ trình bày diện tích đất 439,1 $m^2$ nêu trên là tài sản của bà N thừa kế của mẹ bà N. Tuy nhiên như đã phân tích trên, tại đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất, ngày 17/10/2001, bà N và ông X khai nguồn gốc đất nhận chuyển nhượng từ bà Lý vào năm 1975.

**- Đối với nhà:**

Trên diện tích đất 439,1 $m^2$ nêu trên có một căn nhà cấp 4 với diện tích 87,41 $m^2$, do ông X và bà N đang quản lý sử dụng, tại thời điểm xây dựng nhà vào năm 2010 trong hộ ông X, bà N gồm có: Ông X, bà N, anh H, sinh năm 1985 (con ông X và bà N) và chị T (vợ anh H). Do đó căn nhà là tài sản chung của những thành viên trong hộ theo Điều 212 Bộ luật dân sự. Ông X và bà N mỗi người có quyền sở hữu ¼ căn nhà.

Trong quá trình thu thập chứng cứ, ông X, bà N và anh H sinh năm 1978 trình bày, căn nhà được xây dựng vào năm 2010, do chị Đinh Thị Kim Y, con ông X và bà N, sinh sống tại Đài Loan, gửi tiền về xây dựng, nhưng ông X và bà N không có chứng cứ chứng minh, và cũng không cung cấp được địa chỉ của chị Y.

Từ những nhận định trên, yêu cầu của những người yêu cầu giải quyết việc dân sự là có căn cứ và phù hợp với pháp luật nên chấp nhận.

**- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết việc dân sự:**

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến thời điểm Thẩm phán ra Quyết định giải quyết việc dân sự, Thẩm phán và thư ký đã chấp hành đúng quy định tại các điều 35, 48, 143, 365, 366 của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Y, bà P, ông Ư, ông N, ông H, ông P và những người đồng thừa kế của ông C: Xác định diện tích đất 439,1 $m^2$, thuộc thửa số 64, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại phường H, thành phố Cao Lãnh, thuộc quyền sử dụng bà N và ông X; bà N bà ông X mỗi ngươi có ¼ quyền sở hữu căn nhà cấp 4 với diện tích 87,41 $m^2$ trên đất nêu trên do ông X, bà N đang quản lý sử dụng.

Như đã phân tích nêu trên, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

- Về lệ phí việc dân sự: Tại thời điểm Tòa án thụ lý việc dân sự lần đầu vào năm 2014, nên áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12, ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, để tính mức lệ phí là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 9, Điều 27; Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 212 Bộ luật dân sự và Điều 74 Luật thi hành án dân sự.

- Chấp nhận yêu cầu của bà Ngụy Ngọc Y, bà Nguyễn Thị Kim P, ông Trần Văn Ư, bà Trần Văn N (bà T đại diện), ông Trần Văn H (bà p đại diện), ông Nguyễn Văn P và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Văn C, yêu cầu Tòa án xác định quyền sử dụng đất 439,1 $m^2$ thuộc thửa số 64, tờ bản đồ số 10, tọa lạc phường H, thành phố Cao Lãnh và 01 căn nhà cấp 4 gắn liền trên đất là tài sản của ông Đinh Văn X và bà Lê Thị N để thi hành án theo quy định của pháp luật.

- Bà Lê Thị N và ông Đinh Văn X, mỗi người có quyền sử dụng đất diện tích 219,55 $m^2$ trong diện tích đất 439,1 $m^2$ (trong phạm vi các mốc 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 2) theo sơ đồ xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 07/5/2014 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (Nay là Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai) thành phố Cao Lãnh, đất thuộc thửa số 64, tờ bản đồ số 10, tọa lạc phường 11, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

- Ông Đinh Văn X và bà Lê Thị N, mỗi người có ¼ quyền sở hữu căn nhà diện tích 87,41 $m^2$ gắn liền trên diện tích đất thuộc thửa số 64, tờ bản đồ số 10, tọa lạc phường 11, thành phố Cao Lãnh nêu trên.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Y, bà P, ông Ư, ông N, ông H, ông C và ông P tự nguyện chịu.

- Về lệ phí việc dân sự: bà Y, bà P, ông Ư, ông N, ông H, ông P và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông C, mỗi người phải chịu 200.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí việc dân sự đã nộp theo các biên lai số 19695, 19690, 19689, 19693, 19696, 19691, 19692, cùng ngày 06/02/2014 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp, các đương sự đã nộp xong.

Người yêu cầu có mặt có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận quyết định hoặc niêm yết.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND TPCL;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Đinh Tấn Hiếu**